

Bản án số: 15/2023/KDTM - PT

Ngày: 25 – 7 – 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thiết
kế*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo;
Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2022/TLPT-KDTM ngày 01/11/2022 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thiết kế*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐ – PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐ - PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 33/TB-TA ngày 01/3/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: Số: 105/TB – TA ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần Đầu Tư V.

Địa chỉ Lô 01-03 B, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp của Công ty: Bà Phạm Thị Bích T – Trưởng phòng Tài chính tổng hợp, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số số: 21/UQVNC ngày 25 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty – ông Nguyễn Quang N). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Bảo C – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên – Huế. Có mặt

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Quy hoạch kiến trúc Đ.**

Địa chỉ: 27 F, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Hoàng Ngọc T1 – Tổng Giám đốc. Ông Hoàng Ngọc T1 ủy quyền cho ông Hồ Quang N1, CCCD số: 048086004xxx cấp ngày 28/6/2021; Trú tại: Tổ 21, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng, đại diện tham gia tố tụng. Ông T1 và ông N1 cùng có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty TNHH P; Địa chỉ: Lô 56, tổ 63 G 2, quận F, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3.2. Công ty Cổ phần Tư vấn ZZ; Địa chỉ: 592 H, I, K, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

3.3. Sở X thành phố Đà Nẵng - Đại chỉ 124 L, quận K, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt

* *Cơ quan giám định:*

1. Công ty TNHH Giám định C1; Địa chỉ: 121 M, quận K, Tp Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Sỹ Minh T2 – Giám đốc Công ty. Có mặt

2. Trung tâm giám định chất lượng X Đà Nẵng; Trụ sở: 109 N, phường O, quận K, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

4. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Đầu tư V – là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư V ngày 18/01/2021, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày:*

Công ty Cổ phần Đầu tư V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty CP Tư vấn Thiết kế XA (nay là Công ty CP Quy hoạch Kiến trúc Đ – sau đây gọi tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng kinh tế số 014/2018/HĐ-KT ngày 20/5/2018 về việc Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Công trình văn phòng làm việc và cho thuê số 01-03 B, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng, bên giao thầu là Công ty V.

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công do Công ty Đ lập, được Sở X cấp Giấy phép X số 1269/GPXD ngày 05/6/2018 và cấp Giấy phép X lần 2 số 181/GPXD ngày 4/5/2019.

Khi đơn vị thi công triển khai thi công thì phát hiện thực tế khu đất sai thiết kế với Thiết kế ban đầu, nguyên nhân do Công ty Đ không khảo sát kỹ trước khi thiết kế dẫn đến thiết kế mặt sau xéo, mặt trước thẳng, nhưng thực tế thì trước xéo sau thẳng, nên các bên đã lập Biên bản hiện trường số 01/HT ghi nhận sự việc trên và thống nhất tạm dừng thi công, yêu cầu Công ty Đ điều chỉnh thiết kế theo đúng thực tế hiện trạng khu đất.

Sau khi Công ty Đ lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, thì các bên thống nhất triển khai theo hồ sơ thiết kế điều chỉnh (theo biên bản hiện trường số 02/HT). Đồng thời Công ty V gửi công văn số 136/2021/CV-VNC ngày 22/12/2021 đến Sở X đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng. Sau đó Công ty V nhận được công văn số 262/SXD-CPXD của Sở X đã nêu do công trình thay đổi nhỏ không ảnh hưởng do vậy không cần điều chỉnh giấy phép X và yêu cầu chúng tôi kiểm định chất lượng để thực hiện các bước tiếp theo.

Nên Công ty V ký Hợp đồng số 25-2020/HĐ-KĐCL ngày 22/9/2020 với Trung tâm giám định chất lượng XĐà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm giám định). Ngày 04/11/2020, Công ty V nhận Công văn số 226/KĐ-TTGD của Trung tâm Giám định về việc Kiểm định công trình Văn phòng làm việc và cho thuê tại số 01-03 B, nêu rõ: *kết cấu móng, cột chuyển vị đỉnh không nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn TCVN 5574-2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế.*

Tại cuộc họp ngày 09/11/2020 gồm Công ty V, Công ty Đ và Trung tâm giám định, các bên đã thống nhất là Công ty Đ sẽ lập biện pháp gia cố, tính toán khả năng chịu lực của công trình theo quy định. Ngày 09/12/2020, Công ty Kiến trúc Đ đã gửi thiết kế bổ sung và Trung tâm giám định đã có Văn bản số 298/BC-TTGD ngày 31/12/2020 thống nhất thiết kế bổ sung của Công ty Đ làm cơ sở triển khai gia cố để đảm bảo khả năng chịu lực của công trình. Tại cuộc họp ngày 29/12/2020 giữa Công ty V và Công ty kiến trúc Đ, Công ty Đ đã thống nhất các nội dung về việc gia cố và Đ bồi thường chi phí 30% tương đương 171.937.000đ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2020, Công ty Đ điện thoại cho rằng không thống nhất các nội dung tại cuộc họp ngày 29/12/2020. Công ty V đã có Văn bản số 114/2020/CV-VNC và Giấy mời số 01/GM-VNC (lần 2) gửi Công ty Đ mời họp để giải quyết dứt điểm các nội dung liên quan, nhưng Công ty Đ không tham dự họp cũng như không có văn bản phản hồi.

Ngày 06/01/2021, Công ty V nhận Công văn số 01/2021/ĐV-CV của Công ty Đ về việc ý kiến liên quan đến công trình Văn phòng làm việc và cho thuê tại số 01-

03 B với nội dung trái ngược hoàn toàn nội dung Công ty Cổ phần Quy hoạch Kiến trúc Đ đã thống nhất trước đây.

Ngày 08/01/2021, Công ty V đã gửi Công văn số 06/CV/VNC đề nghị Trung tâm Giám định phản hồi Công văn số 01/2021/ĐV-CV của Công ty Đ về việc ý kiến liên quan đến công trình Văn phòng làm việc và cho thuê tại số 01-03 B.

Ngày 12/01/2021, tại buổi làm việc theo giấy mời số 03/GM-VNC (lần 4) ngày 08/01/2021, Công ty Đ vẫn không thống nhất các nội dung liên quan, không chịu trách nhiệm về sự việc xảy ra đồng thời không chịu chi phí thiệt hại.

Ngày 13/01/2021, Trung tâm Giám định Chất lượng X Đà Nẵng gửi đến Chúng tôi Công văn số 07/BC-TTGD với nội dung khẳng định thiết kế Công trình làm việc và cho thuê tại số 01-03 B, phường E, quận E, thành phố Đà Nẵng *chưa đảm bảo về an toàn chịu lực theo các quy định hiện hành.*

Để đảm bảo an toàn con người và tài sản Công ty V đã thuê đơn vị thi công triển khai gia cố các hạng mục theo thiết kế gia cố do Công ty Đ lập. Sau khi đã gia cố hoàn thành Chúng tôi đã gửi Công văn số: 153/2022/CV-VNC ngày 19/1/2022 đến Sở X và đã được Sở X chấp thuận đưa công trình vào sử dụng tại Công văn số 652/TB-SXD ngày 26/01/2022.

Việc thiệt hại xảy ra thì chủ đầu tư có quyền kiện các đơn vị liên quan thông qua vụ kiện dân sự theo hợp đồng và theo các thông tư, nghị định liên quan đã ban hành.

Cụ thể, Căn cứ Hợp đồng đã ký với Đ quy định: *Phần kết cấu: đảm bảo kết cấu bền vững, an toàn để công trình không lún, nứt theo thời gian, chịu trách nhiệm pháp lý về các bản vẽ kết cấu để thi công công trình trên cơ sở rà soát lại toàn bộ các bản vẽ cũ đã được giao lại.*

Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định 46/2015/NĐ-CP “*Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế X công trình do mình thực hiện*”.

Căn cứ khoản 112 2, 11.211 và 11.214 Điều 11 Hợp đồng kinh tế số: 014/2018/HD-TK có quy định: *Bên B phải cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định, ... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn X đã ký kết; Bồi thường thiệt hại do mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn X đã ký kết.*

Từ những căn cứ nêu trên khẳng định Công ty Đ đã vi phạm Nghị định 46/2015/NĐ-CP, gây thiệt hại cho Công ty V.

Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết về việc bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng vì Công ty Đ đã thiết kế không đảm bảo đối với công trình, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty Chúng tôi với số tiền là: 590.001.864 đồng.

** Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần quy hoạch Kiến trúc Đ, ông Hoàng Ngọc T1 trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:*

Công ty Đ đã thực hiện việc tư vấn thiết kế (bao gồm phần thiết kế điều chỉnh) công trình Văn phòng làm việc cho thuê tại số 01+03 B. Khối lượng và chất lượng của hồ sơ thiết kế đảm bảo theo yêu cầu, đã được các cơ quan chức năng chuyên môn thẩm tra, thẩm định và cấp phép theo quy định.

Đối với vấn đề khởi kiện của Công ty V, đề nghị Công ty làm rõ các nội dung như sau để Công ty Đ có cơ sở kiểm chứng và xác minh tính đúng đắn của nội dung khiếu kiện. Cụ thể:

Về vấn đề thiết kế không đảm bảo công trình: Đề nghị Công ty V cung cấp bản vẽ thiết kế triển khai thi công theo thực tế đã được thẩm định kèm các văn bản pháp lý tương ứng (để kiểm tra điều kiện khởi công công trình căn cứ điều 107 Luật X50/2014/QH11). Hồ sơ quản lý chất lượng thi công công trình căn cứ Điều 112 Luật X50/2014/QH/1 và quy định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015).

Về việc kéo dài, không hợp tác gây nguy hiểm đến tính mạng con người đang làm việc trong tòa nhà: Theo ý kiến của Công ty Cổ phần V, hiện an toàn chịu lực công trình hoặc những công tác quan trọng, công tác chuyển giai đoạn.

+ Công trình Văn phòng làm việc cho thuê tại số 01+03 B thuộc danh mục công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng, theo Công ty Đ được biết, công trình này hồ sơ quản lý chất lượng công trình chưa thực hiện hoàn thành, do vậy, chưa được kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa vào sử dụng của Công ty V, dẫn đến nguy hiểm cho người làm việc trong tòa nhà là trách nhiệm của Công ty V.

Công ty Đ với tư cách là nhà thầu thiết kế thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ thiết kế theo hợp đồng đã ký kết. Công ty Đ chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình đảm nhận trong đó bao gồm nội dung Điều 79 và Điều 80 Luật X50/2014/QH14.

Công ty Đ có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án cấp quận nơi đăng ký của cơ quan làm đơn khiếu nại để khởi kiện yêu cầu bồi thường danh dự và uy tín của Công ty nếu khiếu nại không có căn cứ, không tuân thủ quy trình, gây tổn thất về mặt uy tín cho Công ty Đ.

Công ty V phải đảm bảo trung thực, chính xác trong quá trình kiến nghị, khiếu nại. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan

nếu thiệt hại đó do khiếu nại không có căn cứ, không tuân thủ quy trình, gây tổn thất về mặt uy tín cho đơn vị, người bị khiếu nại.

Công ty Đ không đồng ý bồi thường số tiền 590.001.864đ cho Công ty V

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) trình bày: Công ty P là đơn vị thẩm tra của hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình văn phòng làm việc và cho thuê tại thửa đất số 03-B11, thửa đất số 02-B11 thuộc tờ bản đồ KT01/1, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng do Công ty V làm chủ đầu tư công trình.

Tại thời điểm thực hiện thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và ban hành Báo cáo thẩm tra hoàn thành vào ngày 29/03/2019 thì Công ty P đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật được Sở Xthành phố Đà Nẵng thông báo kết quả Thẩm định tại Văn bản số 3146/SXD-CPXD ngày 02/05/2019 và đã được cấp Giấy phép Xsố 181/GPXD ngày 04/05/2019 do Sở X thành phố Đà Nẵng cấp phép. Do đó, hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình đã được thẩm tra, thẩm định, cấp phép là đúng theo các quy định pháp lý hiện hành.

Những nội dung khác Công ty P không có các thông tin chi tiết để có ý kiến. Tuy nhiên, công trình trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng theo Giấy phép X số 181/GPXD ngày 04/05/2019 do Sở X thành phố Đà Nẵng cấp và cũng như các quy định pháp luật khác liên quan.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Z (gọi tắt là Z) trình bày: Tháng 05/2018, Z được Công ty V giao thực hiện Thẩm tra công trình: Văn phòng làm việc và cho thuê tại địa điểm: Thửa đất số 03-B11, thửa đất số 02-B11 thuộc bản đồ K01/1, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Hồ sơ thiết kế do Z thẩm tra đã được sở Xthẩm định tại Văn bản số 4818/SXD-CPXD ngày 01/6/2018.

- Trung tâm Giám định chất lượng X Đà Nẵng (gọi tắt là Trung tâm giám định) trình bày: Liên quan đến công trình Văn phòng làm việc và cho thuê tại 01-03 B, phường D, quận E, TP Đà Nẵng; Trung tâm Giám định và Công ty V có ký Hợp đồng số 25-2020/ HĐ- KĐCL ngày 22/9/2020 về việc kiểm định an toàn chịu lực của công trình; theo đó Trung tâm Giám định là đơn vị tư vấn kiểm định Xcông trình nêu trên và báo cáo số 02/BC-TTGD ngày 08/01/2021 về việc báo cáo kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình X kết luận kết cấu công trình chưa đảm bảo an toàn chịu lực và không có ý kiến về nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty V.

- Công ty TNHH Giám định C1 (gọi tắt là Công ty Giám định) trình bày:

Qua xem xét hồ sơ gia cố móng thực tế của tòa nhà theo biên bản làm việc số 03/HT ngày 26/6/2018 (đây là tài liệu thi công thực tế mà V cung cấp ở thời điểm

giám định) đối chiếu với các hồ sơ thiết kế được thẩm tra, Công ty Giám định nhận thấy một số điểm như sau: Thực tế thi công theo hình dạng khu đất hiện trạng là không đúng với sơ đồ ở hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm tra; Khoảng cách một số bước trụ thực tế thi công có sự sai khác so với hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm tra; Việc thay đổi này theo Công ty Giám định: nó sẽ làm thay đổi sơ đồ tính toán trong kết cấu chịu lực (*xem các bản vẽ mặt bằng ở các phụ lục 05 đính kèm báo cáo giám định*); Riêng đối với các phần kết cấu đã được thi công bị che khuất Công ty Giám định không có điều kiện kiểm chứng; Lỗi của những đơn vị khi phát hiện các sai sót, bất hợp lý giữa thiết kế so với thực tế thi công:

Theo nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình X được Chính phủ ban hành vào ngày 12/5/2015:

Tại khoản 7, Điều 25: Quản lý chất lượng của nhà thầu thi công X công trình *“Thi công X theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế X công trình. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng X và điều kiện hiện trường trong quá trình thi công. Tự kiểm soát chất lượng thi công X theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc X phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường”*

Tại khoản k, Điều 26: Giám sát thi công X công trình: *“Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế..”*

- Tại khoản c, Điều 28: Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình: *“Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng...”*

Trên đây là sự phân định trách nhiệm của các đơn vị (Nhà thầu thi công; đơn vị Tư vấn giám sát; đơn vị Tư vấn thiết kế - giám sát tác giả) được chúng tôi trích dẫn theo quy định của nghị định số 46/2015/NĐ-CP (đây là nghị định có hiệu lực tại thời điểm công trình thi công) đối với các sai sót khi thực tế thi công bị sai khác so với thiết kế đã được thẩm tra phê duyệt.

Theo Công ty Giám định đã trình bày ở báo cáo giám định số 027TT/2021CV thì: *“Về giải pháp thiết kế kết cấu đối với các hồ sơ thẩm tra: chưa đảm bảo an toàn chịu lực; chuyển vị đỉnh không nằm trong giới hạn cho phép...”*. Tức, các đơn vị thẩm tra Công ty P, Công ty Z đã có lỗi của mình trong việc không thẩm tra chặt chẽ đối với hồ sơ thiết kế của Công ty Đ.

- *Sở X TP Đà Nẵng trình bày:*

Sở X đã thẩm định hồ sơ thiết kế thi công (Công văn số 4818/SXD-CPXD ngày 01/6/2018) và cấp Giấy phép X số 1269/GPXD ngày 05/6/2018, với quy mô 07 tầng nổi + tầng bán hầm. Chủ đầu tư đã xây dựng không đúng giấy phép X (X vượt 1 tầng) nên UBND quận E ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10875/QĐXPVPHC ngày 13/11/2018. Sau đó, Sở X báo cáo UBND thành phố điều chỉnh phương án kiến trúc tại Công văn số 11164/SXD-QHKT ngày 29/11/2018 và UBND thành phố có ý kiến thống nhất tại Công văn số 9609/UBND-SXD ngày 11/12/2018; Sau đó Sở X cấp phép X điều chỉnh số 181/GPXD ngày 04/5/2019 (quy mô tăng thêm 1 tầng).

Ngày 22/12/2021, Chủ đầu tư có văn bản số 136/2021/CV-VNC đề nghị điều chỉnh giấy phép X với lý do hình dạng lô đất thực tế không phù hợp với hình dạng lô đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sở X đã có ý kiến trả lời tại Công văn số 262/SXD-CPXD ngày 13/01/2022. Xét thấy, công trình đã cấp phép X từ tháng 6/2018, Chủ đầu tư tiến hành X đến tháng 12/2021 mới có văn bản giải trình về việc sai số kích thước hình dạng lô đất X công trình nêu trên, dẫn đến yêu cầu phải kiểm định chất lượng công trình (phần đã thi công) để đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu chính; việc chậm trễ xác định kích thước lô đất thực tế để điều chỉnh giấy phép xây dựng, trách nhiệm thuộc về Chủ đầu tư.

Căn cứ theo Điều 98 Luật Xây dựng 2014, trong quá trình xây dựng, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm *thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài, vị trí, diện tích xây dựng, quy mô, chiều cao, số tầng công trình, các yếu tố ảnh hưởng đến kết cấu chính, điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng, làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường* thì Chủ đầu tư phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Căn cứ Điều 85 Điều 86 Luật Xây dựng 2014 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ, quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư và đơn vị thiết kế. Sở X chỉ xem xét tính thống nhất giữa các tài liệu có liên quan theo đúng quy định của pháp luật về X để thẩm định thiết kế, cấp phép X trên cơ sở đề nghị và Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế xây dựng của Chủ đầu tư (*khi Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế xây dựng thì đã mặc nhiên thống nhất với phương án thiết kế của đơn vị tư vấn thiết kế và đánh giá, kết luận của tư vấn thẩm tra thiết kế*). Do vậy việc tranh chấp giữa Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế là tranh chấp dân sự giữa 2 bên, không liên quan đến Sở X.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 161; Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 82, 84, 86, 89, 91, 98 Luật Xây dựng 2014.

- Căn cứ Căn cứ Điều 147, 157, 165 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần Đầu Tư V đối với Công ty Cổ phần Quy hoạch kiến trúc Đ về việc “*Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thiết kế*”.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ Phần Đầu Tư V phải chịu: 27.600.075 đồng (*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 13.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 5285 ngày 01/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu; Công ty Cổ Phần Đầu Tư V phải nộp tiếp số tiền 13.800.075 đồng (*Mười ba triệu tám trăm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Chi phí giám định 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Công ty Cổ Phần Đầu Tư V số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) phải chịu nhưng đã thanh toán xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 20/9/2022 của nguyên đơn Công ty Cổ phần V, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Số tiền 590.001.864đ là khoản tiền thiệt hại, gia cố để đảm bảo cho công trình Văn phòng làm việc cho thuê tại số 01+03 B được hoàn công, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số: 26/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23/11/2022, Công ty V có Đơn xin thay đổi, bổ sung kháng cáo, theo đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty V, buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty V là 590.001.864đ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Bảo C là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty V trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty V, buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty V do vi phạm hợp đồng thiết kế với số tiền là 590.001.864đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty V. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V đối với bị đơn Công ty Đ, buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền thiệt hại cho Công ty V là 590.001.864đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, Công ty V có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Công ty TNHH P, Công ty Cổ phần Tư vấn Z, Sở X thành phố Đà Nẵng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, HĐXX tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[2] *Về thời hạn, phạm vi kháng cáo của nguyên đơn Công ty V:* Ngày 09/9/2022, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đưa vụ án ra xét

xử, cùng ngày ban hành Bản án số 26/2022/KDTM-ST. Đại diện hợp pháp Công ty V có tham gia phiên tòa. Ngày 23/9/2022 Công ty V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là đảm bảo về thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 BLTTDS năm 2015. Tại Đơn xin thay đổi, bổ sung kháng cáo ngày 23/11/2022, Công ty V vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty V. Việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Công ty V là không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 284 BLTTDS.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty V:

[3.1] Ngày 20/5/2018, Công ty V và Công ty CP Tư vấn Thiết kế XA (nay là Công ty Đ) ký Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT về việc Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Công trình văn phòng làm việc và cho thuê tại địa điểm: Số 01- 03 B, quận E, thành phố Đà Nẵng (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 014*). Theo đó, bên giao thầu là Công ty V và bên nhận thầu là Công ty Đ, thực hiện gói thầu Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công.

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công do Công ty Kiến trúc Đ lập, được Sở X cấp phép X số: 1269/GPXD ngày 05/6/2018. Khi Công ty V triển khai thi công thì thấy thực tế khu đất sai khác so với Thiết kế mà Công ty Đ đã lập là thiết kế mặt sau xéo, mặt trước thẳng nhưng thực tế thì trước xéo sau thẳng. Nguyên nhân xảy ra sai sót này là do Công ty Đ đã không tiến hành khảo sát kỹ trước khi thiết kế dẫn đến thiết kế không đúng theo hiện trạng thửa đất. Do vậy, ngày 06/6/2018 Công ty V và Công ty Đ đã lập Biên bản hiện trường số 01/HT, theo đó Công ty V yêu cầu tạm dừng thi công và hai bên thống nhất: Công ty Đ căn cứ trên quy mô, kết cấu hồ sơ thiết kế đã được Sở X cấp Giấy phép X số 1296/GPXD ngày 05/6/2018 để điều chỉnh thiết kế theo đúng thực tế hiện trạng khu đất. Đến ngày 12/6/2018, các bên lập Biên bản hiện trường số 2 thống nhất triển khai thi công theo hồ sơ thiết kế đã điều chỉnh phù hợp với hiện trạng khu đất do Công ty Đ lập. Như vậy, với trách nhiệm của chủ đầu tư thì Công ty V đã tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng công trình đúng theo quy định tại Khoản 4 Điều 4, Khoản 7 Điều 25 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP. Tại các biên bản hiện trường, Công ty Đ cũng xác nhận thực tế hình dạng khu đất có sai khác với thiết kế đã được Công ty Đ lập và được Sở X cấp phép. Do đó, Công ty Đ đã đồng ý điều chỉnh lại thiết kế đúng theo thực tế hình dạng khu đất. Từ Hồ sơ thiết kế mà Công ty Đ đã điều chỉnh, bổ sung Công ty V được Sở X duyệt và cấp Giấy phép X số: 181/GPXD ngày 04/5/2019 bổ sung cho Giấy phép số 1296/GPXD ngày 05/6/2018, theo đó số tầng cao: 01 tầng hầm + 08 tầng nổi. Công trình được X đúng theo Hồ sơ thiết kế mà Công ty Đ đã điều chỉnh,

bổ sung và Giấy phép X số: 181/GPXD ngày 04/5/2019 do Sở X cấp. Sau khi hoàn thiện xây dựng công trình, Công ty V lập hồ sơ hoàn công nộp Sở X vào ngày 26/3/2020. Tuy nhiên, công trình không được Sở X cho phép nghiệm thu, hoàn công, trong đó có yêu cầu phải kiểm định chất lượng công trình.

Do vậy, ngày 22/9/2020 Công ty V đã ký Hợp đồng số 25-2020/HĐ-KĐCL với Trung tâm Giám định chất lượng X Đà Nẵng (*Trung tâm giám định*). Tại Công văn số 226/KĐ-TTGD Ngày 04/11/2020 Trung tâm giám định xác định: “*Kết cấu móng: Không đảm bảo khả năng chịu lực khi tính toán theo hồ sơ cấp phép; chuyển vị đỉnh không nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn*”. Tiếp đến ngày 08/01/2021 Trung tâm Giám định có Báo cáo kiểm tra số: 02/BC-TTGD kết luận: “*Kết cấu cột chuyển vị đỉnh không nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn TCVN 5574-2012*”; kết cấu công trình chưa đảm bảo về khả năng chịu lực nên công trình này “*chưa đảm bảo an toàn chịu lực theo quy định hiện hành*”. Từ đó, Công ty V và Công ty Kiến trúc Đ thống nhất Công ty Đ sẽ lập biện pháp gia cố, tính toán khả năng chịu lực của công trình theo quy định để Công ty V thi công gia cố đảm bảo khả năng chịu lực của công trình. Thiết kế bổ sung, hồ sơ gia cố công trình của Đ được Trung tâm giám định chất lượng thống nhất. Tại cuộc họp ngày 29/12/2020 giữa Công ty V và Đ, hai bên cũng đã thống nhất các nội dung: *Công ty V thuê đơn vị thi công tiến hành khảo sát, lập báo giá thi công với các nội dung công việc liên quan đến hồ sơ gia cố do Công ty Đ lập; Việc gia cố các cột không đảm bảo khả năng chịu lực làm ảnh hưởng đến khách thuê văn phòng làm việc. Một số khách hàng đang thuê đã thanh lý hợp đồng do chủ đầu tư đã gửi thư đến khách hàng kế hoạch sửa chữa, cải tạo, làm thiệt hại kinh tế cho chủ đầu tư. Về việc gia cố và các chi phí phát sinh liên quan và xác định tổng thiệt hại của Tòa nhà là 573.122.220đ và việc giám định kết cấu thiết kế chưa đạt làm ảnh hưởng rất lớn đến thời gian hoàn công công trình, gây thiệt hại cho chủ đầu tư. Công ty Đ đồng ý chia sẻ thiệt hại 30% là 171.937.000đ, nhưng Công ty Đ đã không thực hiện theo Biên bản làm việc đã thống nhất. Do vậy, Công ty V đã thuê đơn vị thi công thực hiện việc gia cố các hạng mục theo thiết kế gia cố mà Công ty Đ đã lập với tổng chi phí 590.001.864 đồng; trong đó: Chi phí gia cố cột bê tông 282.612.000 đồng, chi phí CBKT giám sát thi công 30.000.000 đồng, chi phí thiệt hại cho thuê văn phòng của 01 tháng 180.510.220 đồng, chi phí giám định tòa nhà 80.000.000 đồng, chi phí giám sát thi công xây dựng 16.879.644 đồng. Vì vậy, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty Đ phải bồi thường thiệt hại số tiền 590.001.864 đồng và không yêu cầu tính lãi.*

[3.2] Xét Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT ngày 20/5/2018, thì thấy:

Hợp đồng Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Công trình giữa Công ty V và Công ty Đ được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai công ty, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch. Việc thực hiện không đúng những quy định, thỏa thuận, cam kết tại hợp đồng này được xem là vi phạm hợp đồng và xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Điều 5 Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT quy định Phần kết cấu: “*đảm bảo kết cấu bền vững, an toàn để công trình không lún, nứt theo thời gian, chịu trách nhiệm pháp lý về các bản vẽ kết cấu để thi công công trình trên cơ sở rà soát lại toàn bộ các bản vẽ cũ đã được giao lại*”. Công ty V đã xây dựng công trình đúng theo hồ sơ thiết kế của Công ty Đ. Tuy nhiên, Công ty V lập hồ sơ hoàn công nộp Sở X vào ngày 26/3/2020 thì không được Sở X cho phép nghiệm thu, hoàn công, trong đó có yêu cầu phải kiểm định chất lượng công trình. Qua giám định thì Trung tâm Giám định chất lượng X Đà Nẵng và Công ty Giám định C1 đều xác định: *Kết cấu móng công trình không đảm bảo khả năng chịu lực khi tính toán theo hồ sơ cấp phép; kết cấu cột chuyển vị đỉnh không nằm trong giới hạn cho phép, không đảm bảo khả năng chịu lực*. Lỗi dẫn đến công trình không đủ khả năng chịu lực là thuộc về nhà thiết kế là Công ty Đ, dẫn đến Công ty V phải tốn thêm các chi phí để hoàn thành việc gia cố, đảm bảo khả năng chịu lực của công trình, kéo dài thời gian thi công chậm đưa công trình vào hoạt động làm văn phòng vào làm việc và cho thuê gây thiệt hại cho chủ đầu tư. Sau khi thực hiện gia cố Công ty V mới được Trung tâm giám định X Đà Nẵng kết luận đảm bảo an toàn kỹ thuật, từ đó Công ty V mới được Sở X chấp nhận hoàn công đưa công trình vào sử dụng vào ngày 26/01/2022 theo Công văn số 652/TB-SXD.

Công ty V khởi kiện Công ty Đ là tranh chấp chất lượng thiết kế theo Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT. Do sai sót trong thiết kế của Công ty Đ nên dẫn đến Công ty V phải gia cố công trình nhằm đảm bảo với khả năng chịu lực của công trình theo hiện trạng thực tế. Theo quy định tại khoản 11.2.14 Điều 14 Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT: *Công ty Đ phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn X đã ký kết*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015: “*Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế X công trình do mình thực hiện; việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế của cá nhân, tổ chức, chủ đầu tư, người quyết định đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng không làm giảm trách nhiệm của nhà thiết kế về chất lượng thiết kế X công trình do mình thực hiện*”. Do vậy, Công

ty Đ là nhà thầu thiết kế phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế mà không phụ thuộc vào việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế như quy định nêu trên.

[3.3] Theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 86 Luật Xây dựng: “Nhà thầu thiết kế X có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình đảm nhận trong đó bao gồm nội dung quy định tại Điều 79 và Điều 80 của Luật này; có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình và vi phạm hợp đồng thiết kế xây dựng.

Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 146 Luật Xây dựng 2014 quy định: “Bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại cho bên giao thầu trong trường hợp chất lượng công việc không bảo đảm với thỏa thuận trong hợp đồng hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của bên nhận thầu gây ra...; 5. Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hoặc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng không phù hợp với quy định thì sau khi thực hiện nghĩa vụ hoặc áp dụng biện pháp sửa chữa còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu bên kia còn bị những thiệt hại khác, mức bồi thường thiệt hại phải tương đương với mức tổn thất của bên kia...”.

Khoản 4 Điều 29 Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 cũng quy định “Nhà thầu thiết kế xây dựng... phải chịu chi phí thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình nếu kết quả thí nghiệm, kiểm định chứng minh được lỗi của các nhà thầu này...”.

Đối chiếu Hợp đồng số 014/2018/HĐ-KT và những quy định trên, có đủ cơ sở xác định Công ty Đ lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo an toàn cho công trình theo tiêu chuẩn được quy định, gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình và vi phạm hợp đồng thiết kế xây dựng nên có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với những tổn thất đã gây ra cho Công ty V như yêu cầu của Công ty V với số tiền 590.001.864 đồng; trong đó: Chi phí gia cố cột bê tông 282.612.000 đồng, chi phí CBKT giám sát thi công 30.000.000 đồng, chi phí thiệt hại cho thuê văn phòng của 01 tháng 180.510.220 đồng, chi phí giám định tòa nhà 80.000.000 đồng, chi phí giám sát thi công X16.879.644 đồng.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX xét thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V là không có căn cứ, do đó HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Công ty V và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa; Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty V với Công ty Đ. Về trình bày của người đại diện hợp pháp của Công ty Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa phúc thẩm là không phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại.

Án phí sơ thẩm: Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên Công ty V không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng: Công ty Đ phải chịu chi phí thực hiện giám định của Công ty giám định C1 theo quyết định trưng cầu giám định của Tòa án theo quy định của Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ Phần Đầu Tư V; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 26/2022/KDTM-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 148, 157, 161; 227, 228, 235, 271, 272, 273, 284, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm c, e khoản 2 Điều 86, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 146 Luật X2014;

- Khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 29 Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thiết kế*" của Công ty Cổ phần Đầu Tư V đối với Công ty Cổ phần quy hoạch Kiến trúc Đ.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần quy hoạch kiến trúc Đ phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thiết kế cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư V số tiền: 590.001.864 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu, không trăm không một ngàn, tám trăm sáu mươi tư đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

2.1. Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Quy hoạch kiến trúc Đ phải chịu: 27.600.075 đồng (*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng*).

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.800.000 đồng, theo biên lai thu số 5285 ngày 01/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2.3 Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ Phần Đầu Tư V không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ, theo biên lai thu số 6149 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Công ty Cổ Phần Quy hoạch kiến trúc Đ phải chịu chi phí giám định do Công ty TNHH Giám định C1 thực hiện là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu Tư V đã tạm ứng và chi trả xong cho Công ty TNHH Giám định C1, do đó Công ty Cổ phần Quy hoạch kiến trúc Đ có trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư V 80.000.000 đồng chi phí giám định này.

3.2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) Công ty Cổ phần Đầu Tư V tự nguyện chịu, đã nộp và thanh toán xong.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Cao Văn Hiếu

